

LỊCH SỬ VÙNG CAO
QUA
VŨ MẠN TẠP LỤC THƯ

Nguyễn-Đức-Cung

Nhật-Iệ xuất bản, Philadelphia, Pennsylvania 1998

Lo Hong Mao

11/5/2011

NJ. 30/11/05

Copyright by © Nguyen Duc'Cung

Lời giới thiệu

Thợ vàng quý vàng ròng. Nhà điêu khắc trọng những công trình như pho tượng "Mai-sen" của Michelangelo. Một người nghiên cứu sử không thể không quý trọng một tác phẩm có giá trị cao về phương diện tài liệu sử học.

Thật thế, trong thời gian gần đây, các tác phẩm về lịch sử không phải là không có. Nhưng thứ thì nhai lại một cách khôn khéo không ít thì nhiều, thứ thì phỏng theo các tác phẩm ngoại ngữ chỉ thêm vào hay bớt đi cho có vẻ mình đây là tác giả.

Vì vậy, gặp được một công trình như "Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư", chúng tôi không ngần ngại giới thiệu với bất cứ ai còn có lòng yêu mến quê hương và tự ái với lịch sử.

Đây là một tài liệu về người Thượng ở Quảng-Ngãi, nhưng kẻ viết ra tài liệu lại là một quan chức gốc Quảng-Ngãi tình nguyện đi dẹp loạn người Thượng rồi trấn đóng tại đó và nghiên cứu tình hình dân địa phương để đi đến một chính sách cai trị hợp tình hợp lý vừa mưu ích cho kẻ thuộc quyền, vừa tạo an ninh cho đất nước.

Ông Nguyễn-Đức-Cung là một cựu Dân-biểu của Việt-Nam Cộng-Hòa. Ông lưu ý đến *Vũ Man Tạp Lục Thư* và nghiên cứu tài liệu này, không phải chỉ là để biết rõ một tài liệu hiếm có, mà còn là để thấy thân thế của Nguyễn-Tấn, một kẻ làm chính trị biết tận dụng khả năng của mình. Sở dĩ ông Nguyễn-Đức-Cung có thể tra tay vào công việc này, là vì ông còn là một cựu sinh viên Viện Hán Học, một cơ quan của Viện Đại Học Huế. Không thông thạo Hán học làm sao có thể đọc vào và hiểu đến nơi các điều Nguyễn-Tấn viết. Chúng tôi nhắc đến sự kiện này là vì không phải lần đầu tiên tập *Vũ Man Tạp Lục* được dùng đến.

LỊCH SỬ VÙNG CAO QUA VŨ MAN TẬP LỤC THƯ

Trước khi ông Nguyễn-Đức-Cung đọc vào tác phẩm của Nguyễn-Tấn, nhiều người khác đã đọc vào. Chẳng hạn H. Haguet với bài *Notice ethnique sur les Moi de la région de Quang-Ngai*, E.M. Durand với *Les Moi du Son-Phong*, Trinquet với bài *Le Poste Administrative de Lang-Ri*, Henri Maitre với quyển *Les Jungles Moi*, hay Bernard Bourotte với quyển *Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud-Indochinois jusqu'à 1945 v.v...* nhưng hoặc vì người viết không biết Hán tự, hoặc người dịch không thông thạo Pháp văn, công trình của các kẻ đã dùng nhờ Nguyễn-Tấn để biết người Thượng Quảng-Ngai chứa nhiều sai lạc. Việc ông Nguyễn-Đức-Cung không phải chỉ là bảo tồn và làm cho hữu dụng một tài liệu hiếm có, mà còn là sửa chữa các khuyết điểm liên quan đến tài liệu đó.

Cho nên, tập "Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tập Lục Thư" không phải chỉ là một bản dịch vững vàng của "Vũ Man Tập Lục Thư", mà còn là cả một công trình nghiên cứu công phu lịch sử người Thượng nói chung, về người Thượng ở Quảng-Ngai, về việc bình người Thượng của triều Nguyễn.

Nói tóm lại, "Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tập Lục Thư" là một công trình nên biết. Nó đáng quý vì là một tài liệu hiếm có; nó đáng trọng vì là một việc làm công phu. Chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu Nguyễn-Đức-Cung cùng quý vị độc giả, và hy vọng tha thiết rằng sau tập sách này, ông Nguyễn-Đức-Cung còn tiếp tục cống hiến bạn đọc nhiều tác phẩm sử học khác.

Nguyễn-Phương tự Trúc-Long *

Tháng 9-1992 tại Carthage, Missouri, USA

* Linh-mục Phanxicô-Xavie Nguyễn-Phương (1921-1993), tự là Trúc-Long, Giáo sư Sử-học Viện Đại-Học Huế từ 1957 đến 1975, tác giả nhiều sách sử và bài viết phê bình sử học nổi tiếng tại Việt-Nam Cộng-Hòa trước đây như *Liên lạc giữa Mỹ và Việt-Nam*, *Sự quan trọng của Đông-Dương trước mặt quốc tế*, *Ảnh sáng dân chủ*, *Phương Pháp Sử Học*, *Việt-Nam Thời Khai Sinh*, *Việt Nam*

Thời Bành-Trương : Tây Sơn, 82 Năm Việt-Sử, 125 Thế Giới Sử, The ancient history of Vietnam (1976), A parade of American puppets (1978) và là một cây bút nổi danh với bút hiệu Trúc-Long tại hải ngoại. Linh mục mất ngày 27-12-1993 tại Dòng Đồng Công Missouri, còn để lại nhiều công trình nghiên cứu sử học và dịch thuật tôn giáo rất giá trị, chưa xuất bản.

DẪN NHẬP

Với sự xuất hiện của sách này, điều cần nói trước tiên là tác phẩm đã phải chờ qua một quãng thời gian dài hơn một phần tư thế kỷ kể từ ngày khởi công sưu tầm tài liệu, sắp xếp công việc khảo dịch, bổ chú chuẩn bị để in trong khung cảnh biến động của tình hình chính trị, quân sự tại Miền Nam Việt-Nam, cho đến những ngày sống sót qua các đợt truy quét cái gọi là văn hóa phẩm phản động do chính quyền Cộng Sản thực hiện sau ngày 30-4-1975, chìm nổi theo cùng mối ưu tư của tác giả suốt hơn 13 năm “diện bích” trong trại tập trung của chế độ Cộng sản. Công trình này trong thực tế cũng đã làm một cuộc vượt biên từ Việt Nam sang Pháp vào cuối năm 1989 rồi tháng 8-1991 từ Pháp sang Hoa Kỳ để tái ngộ cùng người viết trong tinh thần định cư của một cựu tù nhân chính trị, hy vọng được in ra với hình thức trang nhã hơn. Con đường đi cũng thật là xa, suýt soát bằng chiều dài một vòng tròn xích đạo nhưng chắc chắn nhờ những phương tiện vận chuyển thần tốc của ngành khoa học kỹ thuật ngày nay, tác phẩm này đã không phải chịu cảnh vất vả gian lao như những nỗ lực gian lao vất vả của Ôn-Khê Nguyễn-Tấn, tác giả *Vũ Man Tạp Lục Thư*, khi đứng ra đảm trách công cuộc bình định người Thượng tại tỉnh Quảng-Ngãi năm Tự-Đức thứ 16 (1863).

Đây là một nỗ lực trong sưu khảo, nghiên cứu mà đối tượng được mô tả, phân tích qua các lãnh vực lịch sử, địa lý, và nhân văn tuy có những nét cá biệt, đặc thù về sắc chủng với chúng ta nhưng lại hiện diện trên đất nước Việt Nam từ lâu. Người Thượng Quảng-Ngãi nói chung và “Thạch-Bích man” nói riêng hẳn cũng đã có cơ duyên hơn các sắc dân thiểu số khác ở trên quê hương chúng ta khi chính họ đã là đề tài gợi hứng cho Nguyễn-Cử-Trình (1716-1767) viết quyển *Sài Vãi* năm 1750, và Nguyễn-Tấn viết *Vũ Man Tạp Lục Thư* hơn 127 năm về trước (1871). Sự có mặt của sắc tộc

thiểu số tại Quảng-Ngãi đã tạo nên những ba động trong lịch sử và làm phong phú thêm kho tàng văn hóa dân tộc. Sự hiện diện của sắc dân đó ngày nay được ghi nhận một cách đầy đủ qua công trình khảo dịch mang tên "Lịch Sử Vùng Cao quả Vũ Man Tập Lục Thư". Hỏi rằng có một cái gì đó mang tính ngẫu nhiên chăng khi trên đất nước Việt Nam hiện diện mấy chục sắc dân thiểu số mà chỉ có người Thượng Quảng-Ngãi là được đề cập đến một cách rõ ràng hơn cả ? Lịch sử dân tộc ta cuối thế kỷ XVIII cũng đã chứng kiến trường hợp một Lê-Quý-Đôn (1726-1784) uyên bác, sau khi theo chân đại quân của tướng Hoàng-Ngũ-Phúc của chúa Trịnh vượt sông Gianh tháng 11 năm 1774 đánh Đàng Trong, sung chức Hiệp-Trấn, đã ghi lại sinh hoạt hai xứ Thuận Quảng trong tác phẩm *Phủ Biên Tập Lục*. Như vậy cũng là do cơ duyên của lịch sử để - hiện diện trong 3 vạn quân nam chinh của lão tướng họ Hoàng - có một nhân chứng lịch sử đã thực hiện tốt đẹp thiên chức sử gia của mình. Lịch sử của một vùng đất chạy dài từ Đèo Ngang (ranh giới giữa Hà-Tĩnh và Quảng Bình) vào cho tới núi Thạch-Bì (Phú-Yên) trong bốn thế kỷ nếu tính từ năm 1774 trở về trước, chắc hẳn sẽ mờ nhạt, buồn tẻ nếu không có sách *Phủ Biên Tập Lục* của Lê-Quý-Đôn. Trong thời cổ đại, Herodotus (484-420 trước Công nguyên), sử gia Hy-Lạp, cha đẻ của ngành sử học thế giới, đã đi du lịch nhiều để viết chiến sử Hy-Lạp, Ba-Tư. Thucydides (460-400 trước Công nguyên) cũng không chịu ở yên một chỗ khi viết tập *History of the Peloponnesian War*. Nếu Nguyễn-Du không đi sứ Trung-Hoa (năm 1813) thì làm sao *Đoạn Trường Tân Thanh* hay *Kim Vân Kiều Tân Truyện* được hình thành và có cơ hội chiếm lĩnh vị trí tuyệt vời trong lịch sử văn học dân tộc. Trường hợp Nguyễn-Tấn với *Vũ Man Tập Lục Thư* cũng là một trường hợp cá biệt. Nếu ông cũng như ai, xoa tay bình thản tọa hưởng kỳ thành sau khi dẹp xong những cuộc nổi dậy của người Thượng ở Quảng-Ngãi, không cần phải hao tâm tổn trí cho một xác trong việc ghi chép lại quá trình

đánh dẹp, địa bàn hành quân, những điều mắt thấy tai nghe thì biết đâu vùng núi non phía tây Quảng-Ngãi, một phần đất của quê hương ta, đến nay vẫn còn khoác tấm màn bí mật của chốn thâm sơn cùng cốc ? Trong lịch sử dân tộc đã diễn ra biết bao cuộc chiến tranh với nhiều kẻ nhận trọng trách điều binh khiển tướng nhưng mấy ai đã để lại được công trình nghiên cứu như ông ?

Vũ Man Táp Lục Thư được coi như tài liệu then chốt giúp cho các nhà nghiên cứu sử hoặc các nhà nhân chủng học có được cái nhìn chính xác và khá đầy đủ về một sắc dân thiểu số từng gây những ba động lịch sử ở Việt Nam thời phong kiến và kết quả có lẽ còn kéo dài đến ngày nay. Nếu *Truyện Sài Vãi* được sáng tác ra nhằm phản bác lại dư luận của những kẻ đương thời ngại khổ khi đề cập đến vấn đề chiến chinh, đã có dịp đưa tên tuổi Nguyễn-Cư-Trình vào văn học sử thì *Vũ Man Táp Lục Thư* đã tạo cho Nguyễn-Tấn cơ hội đóng góp vào kho tàng sử học bằng chính tác phẩm huyết hân của mình. Nếu tác phẩm của Nguyễn-Tấn được xem như một định tinh nằm ở vị trí trọng yếu thì sách vở của các tác giả về sau, Tây Phương cũng như Việt Nam, khi viết về người Thượng ở Quảng-Ngãi, lại là những hành tinh nhận ánh sáng từ *Vũ Man Táp Lục Thư* để rồi phản chiếu lại khuôn mặt sắc dân thiểu số này kể cả vùng thiên nhiên họ sinh cư, xã hội họ tạo thành, nếp sống họ theo đuổi. Thử đặt mình vào khung cảnh thời gian hơn một thế kỷ trước đây khi những phương tiện ghi chép hãy còn thô sơ, thiếu thốn để thấy tiền nhân chúng ta đã cố gắng như thế nào trong việc ghi lại các biến cố lịch sử, các trước tác văn học hay các hình thức nghệ thuật v.v... Hơn ai hết, tổ tiên chúng ta đã ý thức được vai trò lịch sử của họ, nhất là lịch sử các cuộc khai khẩn đất đai, ổn định cuộc sống giữa thiên nhiên khắc nghiệt và con người hung mãnh. Những người cầm đuốc đi trước có nhiệm vụ soi gọi ánh sáng cho kẻ đi sau. Ngọn đuốc ấy phải tỏ tường, liên tục tỏa sáng để rồi một ngày nào đó được giao lại vào tay các kẻ kế tục thuộc thế hệ sau.

Khi gởi vào tay bạn đọc tác phẩm sử học nói về “Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tập Lục Thư”, tôi xin có đôi dòng nhắc đến cố Giáo-sư Nghiêm-Thẩm, một nhà nhân chủng học Việt Nam đã cống hiến cả một cuộc đời cho nền văn hóa dân tộc, một người đã lưu tâm nghiên cứu rất nhiều về các sắc dân thiểu số ở Việt-Nam và Đông-Nam-Á, đã cho tôi những ý kiến hữu ích để hoàn thành tác phẩm này. Giáo sư Nghiêm-Thẩm du học ở Pháp trước năm 1950 về ngành nhân chủng sau đó về Sài Gòn phục vụ chế độ quốc gia mặc dù bạn bè phe Cộng sản cố kéo nứu giáo sư về Hà-Nội nhưng ông quyết liệt từ chối. Trong thời gian phục vụ Miền Nam từ 1954-1975, dạy các trường Đại học ở miền Nam, làm Giám đốc Viện Khảo Cổ, đã cầm đầu nhiều phái đoàn tham dự các hội nghị quốc tế về nhân chủng học, sử học, giáo sư Nghiêm-Thẩm với nếp sống thanh bạch, đức tính hiền hòa, tinh thần làm việc tích cực luôn luôn là tấm gương sáng cho các bạn đồng nghiệp và sinh viên. Đầu tháng 8 năm 1985, trong một cuộc thuyết trình “học tập” với đề tài “Bốn nghìn năm, bốn mươi năm” tổ chức cho các tù nhân chính trị tại trại tù Nam-Hà, tỉnh Hà-Nam-Ninh (Bắc Việt) mà tôi có tham dự, ông Trần-Quốc-Vượng, Giáo sư Sử học Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội làm thuyết trình viên, đã tỏ lòng kính trọng khi nhắc đến cố Giáo sư Nghiêm-Thẩm. Ông ta cho biết đã bị Giáo sư Nghiêm-Thẩm vặn hỏi khi vào tiếp quản Viện Khảo Cổ Sài Gòn sau ngày 30-4-1975: “Anh thuộc formation nào?” Mấy năm sau có tin Giáo sư Nghiêm-Thẩm đã bị sát hại mà không biết lý do và hung thủ. Chắc chắn là nhà cầm quyền Cộng Sản Việt-Nam phải biết.

Nếu đời sống, phong tục, tập quán, lịch sử v.v... của tổ tiên các sắc dân thiểu số ở Quảng-Ngãi được thể hiện sinh động dưới ngòi bút phong phú của Nguyễn-Tấn, bản thân tôi cũng có may mắn được sự giúp đỡ đặc biệt chí tình của ông Nguyễn-Lương, cháu nội bốn đời của tác giả *Vũ Man Tập Lục Thư*, trong các chuyến đi sưu khảo, tham cứu trước đây để tìm tài liệu viết về người Thượng Quảng-Ngãi. Những lời

bình phẩm về nhân vật Nguyễn-Thân (con của Nguyễn-Tấn) là thuộc về phạm vi lịch sử và cũng tùy quan điểm của từng người. Điều đáng nói ở đây là hậu duệ Nguyễn-Tấn đã có công gìn giữ một tác phẩm sử học có giá trị qua biết bao cơn binh lửa và ngày nay tác phẩm đó không còn là của riêng nhà họ mà đã trở thành bảo vật chung của nước nhà, được giới nghiên cứu sử học biết tới khi ông Nguyễn-Thân cho in sách này vào năm 1898. Trước đây, khi quen biết với gia đình ông Nguyễn-Lương, tôi đã được đọc nguyên bản chữ Hán *Vũ Man Tap Lục Thư*, ấn bản riêng của ông Nguyễn-Thân (Thạch-Trì tàng bản) cùng bộ gia phả do các ông Nguyễn-Tấn, rồi Nguyễn-Thân, và Nguyễn-Hy viết, đã gặp được bà Lê-Thị Tú-Oanh (tức bà Nguyễn-Hy), 83 tuổi (năm 1973), từng được nghe kể các hoạt động Sơn-Phùng Quảng-Ngãi, nhìn thấy những tờ sắc phong do các vua triều Nguyễn ban tặng, cùng hình ảnh những nhân vật trọng yếu trong cung đình. Mỗi giao tình ấy qua thời gian vẫn còn khá sâu sắc, cả đến những chữ “Đường Phèn”, “Đường Phôi”, “Đường Cát” v.v... (vì Quảng Ngãi là nơi sản xuất nhiều loại đường) được đặt làm tên “cúng cơm” cho một vài cô bé trong gia đình ấy, vẫn là những âm hưởng vui vui, nhẹ nhẹ trong tôi những khi từ đày lưu lạc trên đất Bắc, chạnh nghĩ đến quá khứ của mình. Hai mươi năm sau ngày Miền Nam bị Việt Cộng cưỡng chiếm, gặp lại nhau giữa thành phố Sài-Gòn mang tên khác, đất nước đã thay ngôi đổi chủ, đau thương và bi thiết hơn, chúng tôi vẫn là những kẻ thân tình đối với nhau. Ước vọng của tôi là xuất bản được tập sách nghiên cứu sử học này như là một nỗ lực đưa ra ánh sáng tác phẩm của tiền nhân, dùng để bám bụi thời gian giữa một hoàn cảnh Việt-Nam đang quá nặng vấn đề cơm áo, và cũng để tạ lòng tri kỷ, tri âm đối với những người hậu duệ của Nguyễn-Tấn, còn trong nước hay đang ở hải ngoại. Hơn nữa điều mong mỏi của tôi là với tinh thần tôn trọng giá trị lịch sử của một tác phẩm sử học, cũng như để trao vào tay bạn đọc trọn vẹn công trình tìm óc của tiền nhân là cụ Ôn-Khê Nguyễn-Tấn,

nguyên bản Hán văn của *Vũ Man Tập Lục Thư* được in kèm với tập sưu khảo và chú dịch này, để cống hiến cho các bậc thức giả cơ hội được đọc chính văn bản và đây cũng là một trong những điều sở nguyện của tôi.

Tuy nhiên dù đã cố gắng hết sức mình, tôi vẫn cứ băn khoăn về ý kiến của Cửu-Ma La-Thập, một trong những đại dịch giả của Phật-kinh ra Hoa-văn vào thế kỷ V sau Công-nguyên khi ông đặt vấn đề nghi ngờ về việc một tác phẩm văn học sẽ mất đi nhiều ý vị lúc được chuyển từ ngôn ngữ của văn bản gốc sang một thứ văn tự khác. Ý kiến này đã được Phùng-Hữu-Lan, giáo sư Đại-học Thanh-Hoa, Bắc-Kinh nêu lại trong cuốn *Trung-Quốc Triết-Học Sử Đại-Cương* rất nổi tiếng của ông xuất bản tại Pennsylvania năm 1947. Tây phương cũng có câu "Traduire c'est trahir" (dịch là phản lại). Tuy nhiên nghĩ cho cùng ý kiến của dịch giả kinh Phật này cũng chỉ đúng trong một số lãnh vực như triết lý, văn học, còn sử học thì có những phạm trù biệt lệ của nó mà điều căn bản nhất vẫn là tôn trọng sự thật. Tác phẩm của các nhà đại văn hào, thi hào, triết gia Đông Tây, những tên tuổi lừng danh thế giới như Herodotus, Thucydides, Tacitus, Horatius, Virgilius, Michelet, Voltaire, Léon Tolstoi, hoặc Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Lão-Tử, Tư-Mã-Thiên, Vương-Dương-Minh, Nguyễn-Du, Lê-Quý-Đôn, Phan-Huy-Chú v.v..., dù là những kiệt tác nhưng nếu không được chuyển ngữ thì cũng sẽ là gây nhiều thiệt thòi cho các dân tộc không đồng ngôn ngữ với tác phẩm được viết ra. Trong thời gian trước đây tôi có dịp đọc lại các tác phẩm cổ điển Trung-Quốc với công trình chú dịch vĩ đại về lượng cũng như về phẩm của James Legge qua những bộ Luận-Ngữ, Mạnh-Tử, Đại-Học, Trung-Dụng, Thượng-Thư, Kinh Thi, Xuân-Thu, Tả-Truyện được chuyển toàn bộ ra Anh-ngữ. Một học giả khả kính như James Legge đã tận-hiến cả một cuộc đời cho việc nghiên cứu nền văn hóa cổ Đông Phương, hẳn đã nuôi ước vọng cao hơn chứ không phải chỉ là tiếng tăm bản thân. Năm 1985, khi còn ở trong trại tù Nam-Hà, tôi cũng có cơ hội mượn được bộ "Les

Quatre Livres" (tức bộ Tứ Thư) của người bạn tù vong niên, cụ Cao-Xuân-Tuyên, để đọc. Sách này do Linh mục Séraphin Couvreur thuộc Dòng Tên dịch ra La-ngữ, Pháp-ngữ cùng lối đọc quan thoại kèm theo những phần chú thích rất công phu. Tôi kính phục những công trình văn học đó. Nói đến vấn đề dịch thuật tưởng cũng cần nhắc đến một vị hòa thượng nổi danh dưới thời nhà Đường, thầy Huyền-Trang mà nhiều người gọi là Đường Tăng. Ông đã bỏ ra 18 năm trời dịch được 73 bộ kinh Phật, cộng tất cả 1330 quyển trong số 657 bộ kinh chở về từ Ấn Độ. Những nhà nghiên cứu và dịch giả lừng danh đó không làm việc vì cá nhân nhưng vì đất nước quê hương họ (non sibi, sed patriae) hoặc cho một lý tưởng còn cao hơn nữa.

Nếu lịch sử mỗi dân tộc có một sắc thái riêng tùy theo vị trí địa lý, phong thổ, tập quán nơi họ sống thì quá khứ và sinh hoạt của một nhóm dân, một sắc tộc cũng có những nét đặc thù phân biệt cộng đồng này với tập thể khác. Đối với một sắc dân khoảng mấy chục nghìn sống sót qua bao vùi dập của chiến tranh, mòn mỏi vì bệnh tật và thiếu thốn mọi tiện nghi, sống cách biệt trong rừng sâu, hiếm khi thấy được ánh sáng văn minh của nhân loại, tôi cũng thường hay tự hỏi không biết giống dân đó hiện còn tồn tại, phát triển hay đã tuyệt chủng trong rừng xanh núi thẳm của một tỉnh nghèo khổ miền Trung Việt-Nam? Chọn công việc sưu khảo về người Thượng tại Quảng-Ngãi và chú dịch *Vũ Man Tạp Lục Thư* tức là phục hoạt lịch sử và môi trường sinh cư của một giống dân vùng cao từ lâu vốn chịu sự miệt thị bất công dưới tên gọi chung là "Mọi Đá-Vách". Lý lịch của một sắc tộc nằm trong cuốn "tạp lục thư" bàn về chuyện "vũ man", cũng như địa chỉ thường trú của họ, nhờ ngài bút rạch rời, tỉ mỉ của Nguyễn-Tấn, vị Tỉnh-Man Tiểu-Phủ-Sứ đầu tiên của triều Nguyễn, ghi nhận lại đã giúp tôi khai triển công việc nghiên cứu với những nhận thức sau đây.

Trước hết kể từ cuối năm 1946, khi đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn binh lửa mà không ai ngờ rằng hậu quả sẽ vô cùng khốc hại cho đến nhiều thế hệ về sau, phần lớn các tài liệu văn học, sử học, các công trình nghệ thuật, các di tích cổ như lăng tẩm, đình chùa, miếu mạo đã bị mất mát, hư hại, thiêu hủy một cách hết sức thê thảm trong các cuộc biến loạn. Nhiều bảo tàng viện, thư viện công cũng như tư đa số đã trở thành đồng gạch vụn giữa cảnh hỗn mang của thời cuộc. Phần lớn các sách vở viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, Việt-ngữ, La-ngữ, Pháp-văn v.v... rơi vào tay những người dân giả kém hiểu biết văn hóa, bị đem ra bán ký để gói hàng ngoài chợ hoặc làm giấy hút thuốc, giấy vệ sinh khiến cho ngày nay chúng ta cảm thấy rất đổi khó khăn khi đi tìm tài liệu để nghiên cứu một vấn đề văn học, sử học nào đó. Một thí dụ gần đây là thư viện của Dòng Thiên-An tại Huế nơi tàng trữ hàng chục ngàn pho sách viết về sử học, văn học, nghệ thuật đa số là của Linh mục Léopold Cadière tục gọi cổ Cả, một nhà nghiên cứu lịch sử rất nổi tiếng, để lại cho Giáo phận Huế, đã bị thiêu rụi trong biến cố Mậu Thân 1968. Nói chung các thảm trạng này đã từng được các giới có liên hệ đến lãnh vực văn hóa đề cập tới. Một vài địa phương may mắn ở ngoài tầm chiếu cố của chiến tranh hoặc một vài cá nhân có cơ hội và điều kiện gần gũi với các kho tàng văn học, sử học đã bảo tồn được một số sách vở, tài liệu, tư liệu quý giá để ngày nay chúng ta có đôi chút hy vọng và phấn khởi đọc lại qua những bản sao chép bằng tay hoặc chụp bằng vi ảnh, phóng ảnh. Ở đây chúng tôi không muốn đi sâu vào thảm trạng mất mát bị thương vừa nói vì thiết tưởng tình trạng khan hiếm tài liệu do ảnh hưởng chiến cuộc đến nay mọi người đều đã thấy rõ.

Vũ Man Tập Lục Thư, ấn bản chữ Hán mà chúng tôi giữ trong tay hiện nay có cái may mắn thoát được "lửa Tần" bởi vì cổ thư này vốn là vật gia bảo nằm trong tủ sách của dòng họ Nguyễn-Công làng Thạch-Trụ, Mộ-Đức, Quảng-Ngãi. Một tác phẩm viết cách đây 127 năm (Tân-Mùi, 1871), Tự

Đức thứ 24 mà đối tượng đánh dẹp là sắc tộc thiểu số ở một tỉnh Miền Trung Việt-Nam, do chính tác giả vốn đảm nhận trọng trách bình định vùng sơn cước, sau những lần vào sinh ra tử, lăn lộn ở chốn thâm sơn cùng cốc mà trước thuật lại, kích thích sự tìm hiểu của chúng tôi. Đây là trường hợp 1 hữu một vị võ tướng sau thời gian đánh dẹp, võ về giống dân khó trị mà bản sắc phong tục hay chủng loại có những khác biệt với chính mình, đã chịu khó ngồi lại biên chép, ghi nhận các kinh nghiệm, kể tên khá tỉ mỉ các vùng đất đã đi qua với ước vọng thầm kín là chỉ vẽ đường đi nước bước cho các người kế tục công cuộc tiêu vũ sau này. Thái độ "lập ngôn" của người xưa thể hiện trong công việc trước thuật được quan niệm là lối truyền bá kinh nghiệm, bằng chứng là đọc kỹ *Vũ Man Tạp Lục Thư*, chúng tôi nhận được những mách bảo hữu ích về một sắc dân trong số nhiều sắc tộc bị cư ngụ trên lãnh thổ chúng ta. Sắc dân này như chúng tôi đã nói ở trên, từ thế kỷ 18 vốn đã là yếu tố gợi hứng cho viên Tuần-phủ Quảng-Ngãi là Nguyễn-Cu-Trình viết *Truyện Sài Vài*, một kiệt tác văn nôm trong văn học sử Việt Nam mà mục đích chỉ là để kích thích tinh thần chiến đấu và cùng để hoàn tất một công tác đặt ra do nhu cầu của tình hình lúc bấy giờ: dẹp loạn.

Trở lại với các yếu tố thúc đẩy chúng tôi chọn tập sách của Nguyễn-Tấn làm cơ sở nòng cốt cho vấn đề tìm hiểu nhóm người sắc tộc ở Quảng-Ngãi, ghi nhận sơ khởi là hiện nay các tài liệu sử học do Quốc-Sử-Quán biên soạn Nguyễn biên soạn hoặc do một số các nhà nho uyên thâm trước thuật bằng Hán-văn phần lớn đã được dịch ra Việt-ngữ. Ngày nay công việc nghiên cứu sử học không còn là một trường hoạt động riêng lẻ, đơn điệu của một số ít người như trước nữa mà đã trở thành phong trào có tầm ảnh hưởng ngày một lan rộng. Đây là một dấu hiệu đáng mừng cho tiến độ văn hóa của đất nước nhưng đồng thời cũng làm phát sinh nhiều ưu tư. Chúng tôi nghĩ rằng một trong những mối ưu tư này sẽ được san bằng khi nỗ lực chung của chúng ta

chính là nhằm vào việc khai thác triệt để kho sử liệu bằng chữ Hán hiện còn nằm trong các trang sách giấy bồi (loại giấy đen, mỏng, còn dính cọng rơm bên trong) trên các kệ dài trong các thư viện hay trong các cuộn vi phim. Số tài liệu này có lẽ cũng còn khá nhiều (nói trong phạm vi Miền Nam trước năm 1975). Khoảng đầu năm 1960, Viện Đại Học Huế có một Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu gồm một số các vị túc nho khoa bảng cũ như cụ Tiến-Sĩ Hán-học Nguyễn-Huy-Nhu, cụ Phó Bảng Hà-Ngại, cụ Nguyễn-Duy-Bột, và các giáo sư đại học, các học giả uyên bác đã cho ra mắt được một số dịch phẩm như quyển *An Nam Chí Lược* (của Lê Tắc), *Hải Ngoại Ký Sự* (của Thích Đại Sán), các tập *Châu-Bản Triều Nguyễn* v.v... cần thiết cho nhu cầu nghiên cứu và học hỏi của nhiều giới. Nhưng hoạt động được mấy năm, vì lý do thời cuộc và sau khi Linh mục Cao-Văn-Luân rời khỏi chức vụ Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu đã không còn nữa. Thật là một điều đáng tiếc. Từ năm 1957, Viện Khảo Cổ của Việt-Nam Cộng-Hòa (do giáo sư Trương-Bửu-Lâm rời sau đó giáo sư Nghiêm-Thẩm làm Giám Đốc) cũng đã có xuất bản nhiều bộ sử dịch từ chữ Hán, bên cạnh đó còn có Ủy-Ban Dịch-Thuật thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa cũng đã có những nỗ lực làm việc đáng lưu tâm qua việc ấn hành một số các dịch phẩm sử học, văn học, pháp luật v.v... Cũng có thể kể thêm vào đây Hội Sử-Học Việt-Nam của Linh-Mục Nguyễn-Phương mà thành viên là đa số các giáo sư tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Sử Địa, hoặc tốt nghiệp khoa Sử trường Đại Học Văn Khoa Huế, có quá trình nghiên cứu, dịch thuật và sưu khảo với Tập san *Vấn Đề Sử* và cho ra đời bản dịch bộ *Đại-Nam Liệt-Truyện Tiên-Biên* (Nhà Khai-Trí xuất bản, 1974). Ngoài ra nhóm Tập San Sử Địa thuộc trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn do ông Nguyễn Nhã phụ trách cũng đã đăng tải nhiều tài liệu sử học có giá trị rút từ kho sách chữ Hán hoặc chữ Nôm trên tờ tạp chí của nhóm. Dĩ nhiên chúng tôi cũng rất kính trọng và chú ý đến những công trình uyên bác nghiên cứu sử học

của các vị giáo sư thuộc các đại học quốc gia ở Huế, Sài-Gòn, Đà-Lạt, Cần-Thơ v.v... Nói chung, điều chúng tôi kỳ vọng đã được thực hiện dần dần. Nghiên cứu về "Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư", chúng tôi thực hiện thêm một công tác chuyển ngữ vốn là công tác chủ yếu vì tác phẩm viết bằng Hán văn hiện ít người biết đến và nếu có biết thì cũng có thể gặp trở ngại về ngôn ngữ. Trình diện một tác phẩm viết cách đây 127 năm dưới hình thức một tập khảo dịch sử học, vấn đề khiến cho chúng tôi phấn khởi làm việc đó là dù rằng hiện nay đã có rất nhiều tài liệu đủ loại ngôn ngữ đề cập đến sắc dân thiểu số Quảng-Ngãi, nhưng tác phẩm của Nguyễn-Tán vẫn là một quyển sách được biên soạn đầy đủ nhất và công phu với nhiều dữ kiện lịch sử có giá trị, đúng như Henri Maitre đã từng xác nhận trong sách *Les Jungles Moi* của ông.

Trong nỗ lực tìm hiểu các dân tộc thiểu số đang cư ngụ trên đất nước chúng ta, việc đọc lại một tác phẩm sử học biên chép về công việc đánh dẹp, vỗ về, xây dựng vùng sơn cước dưới các triều đại vua chúa trước đây, ngoài mục đích nói trên ta còn có thể thấy được sự lưu tâm của những người có trách nhiệm trong việc mở mang xứ sở, xây dựng đất nước. Sự lưu tâm này nằm trong chính sách lâu dài của các triều vua nhà Nguyễn đó là bành trướng lãnh thổ về phía nam hoặc theo hướng tây trong các dịp thuận tiện. Kể từ khi Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-Hóa (1558) cho đến năm 1904 là năm bãi bỏ Nghĩa-Định Sơn-Phong, trong gần ba thế kỷ rưỡi, các vua chúa nhà Nguyễn luôn luôn đặt mối quan tâm đến vùng thượng du này mặc dù chưa đề ra những kế hoạch khai thác tài nguyên một cách triệt để.

Trong bài tựa *Vũ Man Tạp Lục Thư*, Nguyễn-Tán đã cho rằng sách này "chỉ là một chút thiện kiến của mình nên chỉ dành làm của riêng trong nhà mà thôi, dành cất kỹ dấu dăm công khai đem cho người ngoài biết". Bài tựa viết năm Tân-Mùi triều Tự-Đức (1871), gần ba mươi năm sau tức năm Thành-Thái thứ 10 (1898) tác phẩm này mới được ấn hành

chính là nhắm vào việc khai thác triệt để kho sử liệu bằng chữ Hán hiện còn nằm trong các trang sách giấy *bối* (loại giấy đen, mỏng, còn dính cọng rơm bên trong) trên các kệ dài trong các thư viện hay trong các cuộn vì phim. Số tài liệu này có lẽ cũng còn khá nhiều (nói trong phạm vi Miền Nam trước năm 1975). Khoảng đầu năm 1960, Viện Đại Học Huế có một Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu gồm một số các vị túc nho khoa bảng cũ như cụ Tiến-Sĩ Hán-học Nguyễn-Huy-Nhu, cụ Phó Bảng Hà-Ngại, cụ Nguyễn-Duy-Bột, và các giáo sư đại học, các học giả uyên bác đã cho ra mắt được một số dịch phẩm như quyển *An Nam Chí Lược* (của Lê Tắc), *Hải Ngoại Ký Sự* (của Thích Đại Sán), các tập *Châu-Bản Triều Nguyễn* v.v... cần thiết cho nhu cầu nghiên cứu và học hỏi của nhiều giới. Nhưng hoạt động được mấy năm, vì lý do thời cuộc và sau khi Linh mục Cao-Văn-Luân rời khỏi chức vụ Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu đã không còn nữa. Thật là một điều đáng tiếc. Từ năm 1957, Viện Khảo Cổ của Việt-Nam Cộng-Hòa (do giáo sư Trương-Bửu-Lâm rồi sau đó giáo sư Nghiêm-Thẩm làm Giám Đốc) cũng đã có xuất bản nhiều bộ sử dịch từ chữ Hán, bên cạnh đó còn có Ủy-Ban Dịch-Thuật thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đạc-Trách Văn-Hóa cũng đã có những nỗ lực làm việc đáng lưu tâm qua việc ấn hành một số các dịch phẩm sử học, văn học, pháp luật v.v... Cũng có thể kể thêm vào đây Hội Sử-Học Việt-Nam của Linh-Mục Nguyễn-Phương mà thành viên là đa số các giáo sư tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Sử Địa, hoặc tốt nghiệp khoa Sử trường Đại Học Văn Khoa Huế, có quá trình nghiên cứu, dịch thuật và sưu khảo với Tập san *Vấn Đề Sử* và cho ra đời bản dịch bộ *Đại-Nam Liệt-Truyện Tiền-Biên* (Nhà Khai-Trí xuất bản, 1974). Ngoài ra nhóm Tập San Sử Địa thuộc trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn do ông Nguyễn Nhã phụ trách cũng đã đăng tải nhiều tài liệu sử học có giá trị rút từ kho sách chữ Hán hoặc chữ Nôm trên tờ tạp chí của nhóm. Dĩ nhiên chúng tôi cũng rất kính trọng và chú ý đến những công trình uyên bác nghiên cứu sử học

của các vị giáo sư thuộc các đại học quốc gia ở Huế, Sài-Gòn, Đà-Lạt, Cần-Thơ v.v... Nói chung, điều chúng tôi kỳ vọng đã được thực hiện dần dần. Nghiên cứu về "Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư", chúng tôi thực hiện thêm một công tác chuyển ngữ vốn là công tác chủ yếu vì tác phẩm viết bằng Hán văn hiện ít người biết đến và nếu có biết thì cũng có thể gặp trở ngại về ngôn ngữ. Trình diện một tác phẩm viết cách đây 127 năm dưới hình thức một tập khảo dịch sử học, vấn đề khiến cho chúng tôi phấn khởi làm việc đó là dù rằng hiện nay đã có rất nhiều tài liệu đủ loại ngôn ngữ đề cập đến sắc dân thiểu số Quảng-Ngãi, nhưng tác phẩm của Nguyễn-Tán vẫn là một quyển sách được biên soạn đầy đủ nhất và công phu với nhiều dữ kiện lịch sử có giá trị, đúng như Henri Maitre đã từng xác nhận trong sách *Les Jungles Moi* của ông.

Trong nỗ lực tìm hiểu các dân tộc thiểu số đang cư ngụ trên đất nước chúng ta, việc đọc lại một tác phẩm sử học biên chép về công việc đánh dẹp, vỗ về, xây dựng vùng sơn cước dưới các triều đại vua chúa trước đây, ngoài mục đích nói trên ta còn có thể thấy được sự lưu tâm của những người có trách nhiệm trong việc mở mang xứ sở, xây dựng đất nước. Sự lưu tâm này nằm trong chính sách lâu dài của các triều vua nhà Nguyễn đó là bành trướng lãnh thổ về phía nam hoặc theo hướng tây trong các dịp thuận tiện. Kể từ khi Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-Hóa (1558) cho đến năm 1904 là năm bãi bỏ Nghĩa-Định Sơn-Phòng, trong gần ba thế kỷ rưỡi, các vua chúa nhà Nguyễn luôn luôn đặt mối quan tâm đến vùng thượng du này mặc dù chưa đề ra những kế hoạch khai thác tài nguyên một cách triệt để.

Trong bài tựa *Vũ Man Tạp Lục Thư*, Nguyễn-Tán đã cho rằng sách này "chỉ là một chút thiện kiến của mình nên chỉ dành làm của riêng trong nhà mà thôi, dành cất kỹ đâu dám công khai đem cho người ngoài biết". Bài tựa viết năm Tân-Mùi triều Tự-Đức (1871), gần ba mươi năm sau tức năm Thành-Thái thứ 10 (1898) tác phẩm này mới được ấn hành

và 6 năm sau (1904) được dịch ra Pháp văn đăng tải trên tạp-chí *Revue Indochinoise*. Từ đó đến nay đã gần ngót một thế kỷ, tác phẩm viết bằng chữ Hán này có lẽ cũng ít được biết đến và các nhà nghiên cứu sử học có lẽ chỉ được đọc bản dịch Pháp văn mà thôi. Trong khoảng thời gian đó biết bao biến cố lịch sử đã xảy ra trên đất nước chúng ta đã làm thất tán một số sách vở, báo chí, tài liệu nhất là các cổ thư. Nếu không được giữ gìn cẩn thận và in lại để phổ biến sâu rộng trong học giới thì chắc chắn các tài liệu quý giá như tập sách ấy càng ngày sẽ càng mai một, thất lạc đi.

Dựa trên *Vũ Man Tập Lục Thư* ấn bản chữ Hán làm tài liệu căn bản cho công tác nghiên cứu về người sắc tộc Quảng-Ngãi, tôi không quan niệm như tác giả khi cho rằng đây chỉ là một mớ thiển kiến và phải cất dấu kỹ trong nhà (bí vu gia) không cho người ngoài đọc tới, mà trái lại cố gắng của tôi là đưa ra ánh sáng trực tiếp bằng ngôn ngữ mẹ đẻ một tác phẩm từng được thai nghén dưới khung cảnh núi cao rừng cả đầy ma thiêng nước độc của 127 năm về trước. Tôi cũng xin ghi nhận nơi tác phẩm này cả một công trình đóng góp bằng huyết hân của tiền nhân vào sự nghiệp mở mang bờ cõi đất nước. Công trình đó lớp người sau phải biết tới cũng như giá trị máu xương tô bồi nên giang sơn gấm vóc Việt-Nam mỗi lúc một chút và tích lũy từ nhiều thế hệ cần phải được thẩm định đúng mức. Chính vì vậy mà có lẽ chúng tôi đã phần nào đi ngược lại ý nguyện tiên khởi của tác giả *Vũ Man Tập Lục Thư* khi ông không muốn cho người ngoài đọc tới tập sách ông viết ra. Đức tính khiêm tốn của người xưa là một điều cao quý đáng khâm phục, nhưng nếu thực hiện đúng lời căn dặn của Nguyễn-Tấn nghĩa là tuyệt đối không cho ai xem bản văn chép lại công cuộc tiểu vũ sắc dân thiểu số ở Quảng Ngãi của chính mình, cùng công trạng các vị danh tướng thời trước, và dành dấu kỹ mãi thì quả thật kho tàng sử học nước nhà sẽ mất đi một tác phẩm có giá trị. Seignobos, một sử gia có tiếng của nước Pháp đã từng nói: "Không có tài liệu thì không có lịch sử". Câu nói này chứa

PHẦN THỨ NHẤT

VÙNG CAO

TRONG

LỊCH SỬ XỨ QUẢNG

Lê Hồng Khánh

[www.campapera.
wordpress.com](http://www.campapera.wordpress.com)

đựng giá trị thực tế thúc đẩy tôi phấn đấu tìm về với các nguồn sử liệu sau đây.

Nguồn sử liệu thứ nhất đó là phần tư liệu chữ Hán gồm có *Vũ Man Tạp Lục Thư* bản in năm Thành-Thái thứ 10 (1898), tập gia phả của dòng họ Nguyễn Công, cùng một số bài văn bia. Tác phẩm của Ôn-Khê hiện nay không mấy nơi có kể cả những thư viện lớn ở Sài-gòn. Trước đây Viện Khảo Cổ Sài Gòn có một bộ vi ảnh sách này do Đông-Dương Văn-Khố (tức là Toyo Bunko của Nhật Bản đặt tại Tokyo) tặng nhưng lại là dương bản (nếu in ra thì có chữ trắng nền đen). Đây là nói về tình trạng trước ngày 30-4-1975. Khoảng năm 1986, Nguyễn-Phan-Quang dạy sử tại Trường Đại Học Tổng Hợp TPHCM, khi viết cuốn *Phong Trào Nông Dân Việt Nam Thế Kỷ XIX* đề cập đến những cuộc nổi dậy của đồng bào sắc tộc Đá Vách, đã tham khảo tài liệu của chúng tôi và cho biết tài liệu đó hiện tàng trữ tại thư viện của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Thành phố. Tập gia phả của dòng họ Nguyễn-Công mang tên là *Thạch-Trụ Nguyễn-Công Thị Gia-Phả* do chính Nguyễn-Tấn khởi đầu biên soạn từ năm Tự-Đức thứ 11 (tức năm Mậu-Ngo, 1858) rồi về sau được con cháu kế tục viết tiếp để ghi lại tiểu sử, công nghiệp tổ tiên, lưu truyền lại cho đến ngày nay. Nhờ tập gia phả này, việc truy cứu về dòng tộc tác giả *Vũ Man Tạp Lục Thư* đã được dễ dàng hơn, lại có thêm dữ kiện để hiệu đính một số tài liệu sai lầm do một vài tác giả Pháp, Việt trước đây vấp phải. Thêm vào đó là các bài văn bia, câu đối dựng trên mộ phần và ở từ đường Ôn-Khê tại Quảng-Ngãi ca tụng sự nghiệp bình định vùng thượng du trong thời gian ông nắm giữ chức vụ Tỉnh-Man Tiều-Phủ-Sứ.

Nguồn sử liệu thứ hai được sử dụng tới đó là một số các tác phẩm, tạp chí viết bằng Pháp văn. Phần tài liệu này khá quan trọng hầu hết đã được đăng tải trên các tạp chí như *Revue Indochinoise*, *Bulletin Des Amis Du Vieux Hue*, *Bulletin De La Société Des Etudes Indochinoises*, hay đã in thành sách như *Les Jungles Moi* chẳng hạn, do một số các

viên chức người Pháp hoặc các giáo sĩ của Hội Thừa Sai Paris soạn ra. Xin đề cập trước tiên đến bản dịch Pháp văn *Vũ Man Tạp Lục Thư* với tựa đề là *Phủ Man Tạp Lục ou Notes diverses sur la pacification de la région des Mọi* của một dịch giả vô danh đăng trong *Revue Indochinoise* các số 7, 9, 10 và 11 năm 1904. Đây có thể nói là một bản lược dịch bởi lẽ dịch giả đã bỏ qua hết các bài tựa chỉ trừ bài tựa của Nguyễn-Tấn, bỏ các phần ghi về núi non, sông lạch, con suối, cương vực, đường sá, ngôn ngữ, vấn đề xây dựng và đổi thay dần dần cơ cấu hành chính v.v... Đọc loạt bài này để có thể đối chiếu với bản Hán văn hầu thấy được các chi tiết quan trọng tác giả Nguyễn-Tấn đã chịu khó ghi nhận về các địa danh vùng sơn cước hoặc công cuộc đánh dẹp và vũ trị nơi đây. Chúng tôi không thể quên bài *Les Mọi du Sơn phòng* của E.M. Durand đăng trong *Revue Indochinoise* năm 1907 hoặc bài *Le poste administratif de Làng Ri (Quảng Ngãi)* của Trinquet hay bài *Notice ethnique sur les Mois de la région de Quảng-Ngãi* của H. Haguët vốn rất hữu ích cũng đăng trên tạp chí này. Bài *La province de Quảng-Ngãi* của Laborde đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué* tháng 7 năm 1925, hay bài *Essai d'histoire des populations montagnardes du Sud-Indochinois jusqu'à 1945* của Bernard Bourotte trong *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* năm 1955 cũng như hầu hết các tạp chí, tác phẩm nêu trên phần lớn đều dựa vào bản dịch Pháp văn khi viết về sắc dân thiểu số ở Quảng-Ngãi, phần khác được viết do sự tham khảo tại chỗ của các tác giả vốn là những giới chức có quyền hành trong bộ máy hành chính bảo hộ thời trước. Khi đề cập đến sắc dân đó, các tác giả Tây phương này hầu như không thể bỏ qua được *Vũ Man Tạp Lục Thư* vì đó quả là tài liệu then chốt, căn bản để thấu hiểu tường tận sinh hoạt người Thượng. Như vậy giá trị của nó đã được chúng nghiệm qua thời gian một cách khá cụ thể.

Nguồn sử liệu thứ ba là các sử phẩm do Quốc sử quán triều Nguyễn ấn hành ví dụ như *Thực-Lục*, *Liệt-Truyện*,

Quốc-Triều Chinh-Biên, Quốc-Triều Hương-Khoa Lục, hoặc một số sử phẩm do các sử gia tên tuổi viết như *Đại-Nam Nhất-Thống Chí, Bản-Triều Bản-Nghịch Liệt-Truyện* v.v... Tuy nhiên theo sự nhận xét của chúng tôi, hầu như các tác giả nho gia này đã bỏ sót không đề cập đến hoặc nếu có thì cũng chỉ phớt qua, không đủ chứng liệu để thu góp hầu hiệu biết thêm lịch sử các cuộc chinh phạt vùng sơn cước Quảng-Ngãi, phong tục, tập quán sắc dân thiểu số nơi đây. Chúng tôi cho rằng đó cũng là điều đáng ngạc nhiên bởi vì các giống người thiểu số ở vùng sơn cước Quảng-Trị, Thừa-Thiên hoặc trên các cao nguyên nam Trung-Việt như Thủy-Xá, Hỏa-Xá cũng vẫn thấy nói tới một cách khá tường tận trong phần *Nhu-Viên* của bộ *Khâm-Định Đại-Nam Hội-Điển Sự-Lê* v.v... Xưa nay việc ngăn giữ người Thượng ở Quảng-Ngãi không cho khởi loạn hoặc tràn xuống quấy phá vùng đồng bằng vốn là một mối bận tâm thường xuyên của triều đình nhà Nguyễn, thế nhưng tại sao các sử liệu chính thức của Quốc-sử-quán lại không mấy đề cập tới hoặc nói rõ về giống người trên? Nếu không có tác phẩm của Nguyễn-Tán chứa đựng cả một nội dung đầy đủ, súc tích chứng liệu ghi nhận bằng sự mắt thấy tai nghe tại chỗ, cũng như gót chân ông đã từng đặt khắp vùng núi non bao la này để viết nên thì quả thật đời sau khó có tài liệu để giúp hiểu rõ hơn về một giống người đã sinh cư trên lãnh thổ nước ta hàng mười thế kỷ nay mà lịch sử thăng trầm của ta thường xuyên chi phối mãnh liệt đến nếp sinh hoạt của họ.

Nguồn sử liệu thứ tư bằng Việt-ngữ gồm các loại tài liệu như *Quảng-Ngãi Tỉnh-Chí* của Nguyễn-Bá-Trác (1881-1948), đăng tải trên Tạp chí Nam-Phong năm 1933, tập sách *Đường lên xứ Thượng* của Bùi-Đình xuất bản năm 1933, *Cao nguyên miền Thượng* của Cửu-Long-Giang và Toan-Ánh bản in năm 1974, quyển *Vấn đề đồng bào sơn cước tại Việt Nam Cộng Hòa* của Lê-Đình-Chi (Luận án Tiến-Sĩ Luật-Khoa, bản in ronéo năm 1971), *Non nước xứ Quảng* của Phạm Trung-Việt, bản in năm 1974 v.v... cũng cho thấy được tầm ảnh

hưởng của sách cụ Ôn-Khê. Chúng tôi ghi nhận được rằng trong số các tài liệu, sách vở, tác phẩm viết bằng Việt Ngữ về vấn đề này, ngoại trừ loạt bài của Nguyễn-Bá-Trác, còn thì đa số đều dựa trên các tài liệu của người Pháp, nhất là căn cứ trên bản dịch Pháp văn của Tạp chí *Revue Indochinoise* khi viết về lịch sử, sinh hoạt của người Thượng Quảng-Ngãi, bằng chứng là những sai lầm chúng tôi đọc thấy trong các biên khảo của những tác giả Pháp lại cũng là những sai lầm của các tác giả Việt Nam về sau.

Cả bốn nguồn sử liệu này vừa được đề cập tới sẽ giúp cho chúng tôi đào sâu đề tài nghĩa là nhìn thấy được khá rõ thực trạng sinh hoạt của sắc dân thiểu số này, nguồn gốc dòng tộc và sự nghiệp của tác giả *Vũ Man Tạp Lục Thư*, lịch sử công cuộc bình định vùng sơn cước Quảng-Ngãi cùng giá trị công trình biên khảo của cụ Nguyễn-Tấn. Các tiết mục nằm trước phần chú thích nhằm làm phong phú nội dung vấn đề nghiên cứu đồng thời có tác dụng đính chính một vài sai lầm trong các tài liệu biên khảo trước đây.

Với phần dịch nghĩa, chúng tôi cố dịch sát với câu chữ Hán ở trong nguyên bản nhưng mạch văn sẽ đi liên tục hơn bằng cách gia thêm chủ từ hay túc từ, dĩ nhiên là ý của bản chính phải được giữ y nguyên. Chữ Hán có thể có hai, ba lối phát âm ra âm Việt, chúng tôi sẽ chọn theo một âm và các âm kia nếu có sẽ được đặt trong dấu ngoặc đơn. Trong nguyên-bản, khi viết đến người Thượng ở Quảng-Ngãi, tác giả đã dùng đến chữ "man", thí dụ Làng-Lui man, Trà-Nô man v.v... Các tài liệu cũ cũng như lối xưng hô trước đây hay dùng chữ "Mọi" để chỉ về các sắc dân thiểu số ở Trung Việt. Ngày nay lối xưng hô đó không còn thích hợp nữa cho nên chúng tôi sẽ không dịch chữ "man" của tác giả mà để vào trong dấu ngoặc. Một vài ý kiến trong các bài tựa của sách *Vũ Man Tạp Lục* viết cách đây một trăm năm phần quan điểm thiếu sự hài hòa chủng tộc, cũng chỉ là cảm nghĩ riêng tư cá nhân. Về lại các cụ của chúng ta xưa thường hay dùng chữ "man" hay "thi" để chỉ các sắc dân thiểu số cư ngụ

ở Bắc hay Nam-Việt. Chúng tôi cho rằng đây chỉ là lối dùng chữ trong Hán văn, và Nguyễn-Tấn cũng không vượt ra ngoài qui mô đó. Một số lớn các địa danh trong *Vũ Man Tạp Lục Thư* đều viết bằng chữ Nôm mà chữ Nôm hầu như đôi khi được viết tùy hứng không theo một quy tắc nhất định. Ở đây chúng tôi cố gắng tham khảo từ những quyển tự điển chữ Nôm có giá trị như *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh-Tĩnh-Cửa, *Tự-Điển Chữ-Nôm* của Nguyễn-Quang-Xỹ hoặc nhờ một vài vị túc nho góp ý rồi phối kiểm lại với cách gọi tên hàng ngày của dân chúng địa phương đặc biệt là lối phát âm của một số đồng bào Thượng quen biết tại vùng sơn cước Quảng-Ngãi để đọc các địa danh này. Dĩ nhiên vấn đề chính xác được nhìn trên khía cạnh tương đối mà thôi. Một số các điển tịch văn học Trung-Hoa nằm trong các bài tựa do các vị đại khoa như Cao-Xuân-Dục, Hoàng-Cao-Khải, Trương-Quang-Dẫn viết, cũng được giải thích bằng tất cả mọi cố gắng hoặc có chỗ lược bỏ nếu xét không cần thiết.

Với phần chú thích quả thật chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn nhất là khi phải chú thích các địa danh mà hầu hết đều là tên làng, sách (buôn Thượng), các sông suối, đồi núi ở miệt nguồn Quảng-Ngãi, nơi mà tình hình an ninh trước đây không cho phép tới tận chỗ để kiểm chứng. Tìm hiểu về địa danh ở các vùng đồng bằng đã là một chuyện khó nhưng cũng có thể làm được vì vẫn còn có tài liệu, sách vở, chứng từ để tham cứu. Tìm hiểu về địa danh vùng sơn cước thật là khó khăn vì người Thượng không có chữ viết để bảo lưu những gì cần giữ lại. Khả năng ký ức chỉ có giới hạn trên một số sự kiện nào đó và trong một khoảng thời gian tương đối ngắn mà thôi. Chúng tôi đã nỗ lực dựa trên một số tài liệu có tính cách địa phương chỉ cùng một số bản đồ như bản đồ của Haguet vẽ năm 1905, bản đồ của Trinquet vẽ năm 1908 và một số bản đồ quân sự do Nha Địa Dư Quốc Gia (ở Đà-lạt) ấn hành, để định rõ vị trí các địa danh cũng như cương giới các Cơ (khu vực hành chánh được phân định dưới triều nhà Nguyễn). Các phần núi sông, cương vực,

đường sá tại vùng thượng du này đã được tác giả ghi chép đầy đủ, tỉ mỉ nên việc chú thích của chúng tôi cũng chỉ là cố gắng điểm xuyết thêm công trình biên khảo vốn đã công phu của Nguyễn-Tấn.

“Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tập Lục Thư” phần lớn được viết từ năm 1973, 1974, được nhuận sắc lại bằng các tài liệu sử học xuất bản về sau nhất là trong các phần chú thích. Vì điều kiện chính trị không cho phép người viết, sau khi ra khỏi nhà tù của chế độ Cộng Sản, được tự do thực hiện các cuộc đi nghiên cứu điền dã tại địa phương Quảng-Ngãi cho nên chúng tôi vẫn phải sử dụng lại một số hình ảnh và tư liệu của các nhà nghiên cứu sử học thời Pháp thuộc và thời Quốc-gia trước đây.

Tập sách này thành hình được cũng một phần do sự ưu ái của những người đã chết hay còn sống đối với nền sử học quốc gia như cố Giáo sư Nghiêm-Thẩm, cố Linh mục Nguyễn-Phương, Giáo sư Nguyễn-Văn-Dương (nguyên Giảng-viên Viện Hán-Học), đã có những chỉ dẫn hữu ích và chia sẻ quan điểm về lịch sử và thời sự với người viết trong hơn hai thập kỷ trước đây. Chúng tôi biểu lộ lòng kính mến đối với ông bà Nguyễn-Lương, hậu duệ của cụ Nguyễn-Tấn, là những vị luôn luôn trân trọng đối với gia sản tinh thần của tiên nhân và có biệt nhãn đối với những ai lưu tâm đến các công tác nghiên cứu sử học. Chính hai ông bà đã có những giúp đỡ, khích lệ chí tình trong việc cho người viết mượn xem các cổ thư, tộc phả, tờ chiếu sắc phong, tài liệu bi ký, hình ảnh những nhân vật lịch sử thuộc dòng tộc hay đồng liêu với họ Nguyễn-Công ở Quảng-Ngãi. Chúng tôi ghi ơn Bác sĩ Cao-Xuân-An, nguyên Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Xã-Hội của Việt Nam Cộng Hòa, huyết thống của bậc đại nho Cao-Xuân-Dục, cụ Nguyễn-Đức-Huy, nhà báo lão thành của Việt-Nam, cụ Trần-Vinh-Khâm, thân phụ cố bằng hữu Trần-Vinh-Anh (đã tử nạn vì nền giáo dục Việt Nam từ năm 1967). Tất cả nay có kẻ còn người mất hoặc lưu lạc góc bể chân trời nhưng

cũng đều đã một thời chia sẻ với người viết những ý kiến có liên hệ nhiều đến quyển sách này.

“Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư” cố gắng ra mắt bạn đọc đúng vào thời điểm năm 1998 là để đánh dấu một trăm năm ngày ấn bản chữ Hán đầu tiên của *Vũ Man Tạp Lục Thư* được in ra dưới triều Thành-Thái thứ mười tức năm 1898 do thân nhân của cụ Nguyễn-Tấn đảm trách. Thời gian một thế kỷ trong đời con người hay một tác phẩm văn hóa cũng có những ý nghĩa thiêng liêng và đặc biệt của nó. Ngoài ra dĩ nhiên quyển sách này cũng không tránh khỏi các khiếm khuyết trong quá trình biên khảo, chú dịch và ấn loát nhất là vì điều kiện cư trú tại hải ngoại vốn có những cách biệt bất khả kháng với các nguồn tư liệu trong nước nên kính xin các vị thức giả và quý bạn đọc vui lòng thông cảm lượng thứ cho.

Nhìn chung, mỗi bài học lịch sử đều có giá trị riêng vì đã rút tỉa được kinh nghiệm qua thời gian và không gian. Tìm hiểu về “Lịch Sử Vùng Cao qua Vũ Man Tạp Lục Thư” cũng là lật lại những trang thời sự quá khứ để thấy được tấm lòng người xưa nghĩ về trách nhiệm của mình đối với quê hương và dân tộc.

Nguyễn-Đức-Cung
Philadelphia, Pennsylvania, Hoa-Kỳ
October 24, 1998.